

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11 – 9 – 2026.

V/v: “*tranh chấp xin ly hôn, nuôi
dưỡng con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Minh Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Trương**

2. Ông **Võ Văn Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Mai Hương** – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ: Bà **Dương Thị Truyền** – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 404/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1997 (Đề nghị giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Cái Tàu thuộc Cục C10, Bộ Công an.

- Người có quyền lợi cần được bảo vệ: Cháu **Trần Thị Thúy V**, sinh ngày 04/5/2020 và **Trần Thị Thanh V**, sinh ngày 24/12/2022.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1965 (Đề nghị giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày và yêu cầu:

Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc T do quen biết, sau thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận, tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 11/4/2019. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã ly thân hơn 02 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Về con chung: Ông T, bà T có 02 con chung tên Trần Thị Thúy V, sinh ngày 04/5/2020 và Trần Thị Thanh V, sinh ngày 24/12/2022, hiện đang sống với bà Nguyễn Thị P. Ông T đồng ý để bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thúy Vy và cháu Thanh Vy đến khi trưởng thành, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/02 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 27/8/2029, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày và yêu cầu:

Bà đồng ý ly hôn. Bà và ông T có 02 con chung tên Trần Thị Thúy V, sinh ngày 04/5/2020 và Trần Thị Thanh V, sinh ngày 24/12/2022, hiện đang sống với mẹ ruột của bà là bà Nguyễn Thị P. Bà đồng ý để bà P tiếp tục nuôi dưỡng các con chung đến khi trưởng thành, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo Đơn yêu cầu độc lập ngày 15/7/2026 và Biên bản ghi lời khai ngày 08/7/2026, bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà là mẹ ruột của bà Nguyễn Thị Ngọc T. Từ khi bà T đi chấp hành án phạt tù, bà trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thúy V, sinh ngày 04/5/2020 và Trần Thị Thanh V, sinh ngày 24/12/2022. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thúy V và Trần Thị Thanh V, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu Thúy Vy và cháu Thanh Vy.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về việc giải quyết vụ án:* Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được xem xét, đối chiếu với các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Trần Văn T có đơn yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và bà Nguyễn Thị P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy hôn nhân giữa ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc T đã mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn T.

[4] Về con chung: Ông T, bà Trinh có 02 con chung tên Trần Thị Thúy V, sinh ngày 04/5/2020 và Trần Thị Thanh V, sinh ngày 24/12/2022, hiện tại đang sống với bà Nguyễn Thị P. Ông T, bà T, bà P có ý kiến đề bà P tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thanh Vy, cháu Thúy Vy đến khi trưởng thành. Để ổn định cuộc sống và sự phát triển bình thường của cháu Thanh Vy, cháu Thúy Vy, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục để bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thanh Vy, cháu Thúy Vy đến khi trưởng thành, ghi nhận ông Trần Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con

chung 3.000.000 đồng/tháng/02 cháu. Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc T hiện tại đang chấp hành án phạt tù nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận; quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15;

Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T.
2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị P.
3. Về hôn nhân: Ông Trần Văn T ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc T.
4. Về con chung: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc T có 02 con chung tên Trần Thị Thúy V, sinh ngày 04/5/2020 và Trần Thị Thanh V, sinh ngày 24/12/2022. Bà Nguyễn Thị P tiếp tục nuôi dưỡng Trần Thị Thúy V và Trần Thị Thanh V đến khi trưởng thành. Ghi nhận ông Trần Văn T tự nguyện cấp dưỡng

nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng/02 cháu kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/9/2026) cho đến khi cháu Thúy Vy, cháu Thanh Vy đủ 18 tuổi, bà Nguyễn Thị Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc T, không ai được cản trở ông T và bà T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp được quyền khởi kiện thành vụ án khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chuyển 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 0010401 ngày 26/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí nên ông Trần Văn T phải nộp thêm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- UBND xã P, thành phố Cần Thơ;
- Lưu.

Phan Nguyễn Minh Trí